

**Phụ lục**

**BỘ CHỈ SỐ CHUYÊN ĐỔI SỐ XÃ VẠN LONG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của  
UBND xã Vạn Long)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

STT	Thông Tin chung	Số liệu	Người thực hiện
1	Tên xã		
2	Số lượng dân số		Công chức VP-TK xã
3	Số lượng dân số trong độ tuổi lao động		Cán bộ lao động, Thương binh và xã hội
4	Số lượng hộ gia đình		Công chức VP-TK xã
5	Số lượng thôn, xóm và tương đương		Công chức VP-TK xã
6	Số lượng cán bộ công chức		Công chức VP-TK xã
7	Số lượng công chức chuyên trách CNTT/ATTT, chuyển đổi số		Công chức VP-TK xã
8	Số lượng công chức kiêm nhiệm CNTT/ATTT, chuyển đổi số		Công chức VP-TK xã
9	Số lượng máy chủ vật lý		Công chức VHXXH
10	Số lượng máy trạm		Chủ trì: Công chức VHXXH, Phối hợp: Các cán bộ, công chức, cán bộ chuyên trách của xã
11	Số lượng hệ thống thông tin		Công chức VHXXH
12	Số lượng doanh nghiệp thuộc địa bàn quản lý		Chủ trì: Công chức VP-TK xã Phối hợp: Công chức TC-KT
13	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn quản lý		Chủ trì: Công chức VP-TK xã Phối hợp: Công chức TC-KT
14	Số lượng điểm phục vụ bưu chính trên địa bàn		Bưu điện huyện
15	Tổng chi ngân sách nhà nước trong năm		Công chức TC-KT
16	Số lượng DVC		Chủ trì: Công chức VP-TK xã Phối hợp: Công chức VHXXH xã
17	Số lượng DVCTT toàn trình		Chủ trì: Công chức VP-TK xã Phối hợp: Công chức VHXXH xã
18	Số lượng DVCTT một phần		Chủ trì: Công chức VP-TK xã

STT	Thông Tin chung	Số liệu	Người thực hiện
			Phối hợp: Công chức VHXX xã
19	Đầu mối liên hệ (Họ và tên, bộ phận công tác)		Chủ trì: Công chức VHXX xã, Phối hợp: Người phụ trách công nghệ thông tin xã
20	Số điện thoại		Công chức VHXX, người phụ trách công nghệ thông tin xã

## II. Bảng chỉ tiêu chi tiết

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>			<b>575</b>			
<b>1</b>	<b>Nhận thức số</b>			<b>50</b>			
1.1	Người đứng đầu Xã (Bí thư hoặc Chủ tịch xã) là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số của xã	- Trưởng ban là người đứng đầu: Điểm tối đa. - Trưởng ban không phải là người đứng đầu: 0 điểm	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Chủ trì: Công chức VHXX, tham mưu ban hành quyết định cho Ban chỉ đạo
1.2	Số cuộc họp, hội nghị chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu xã chủ trì	- Đủ 04 cuộc họp trong năm: Điểm tối đa. - Số cuộc họp/4*điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Chủ trì: Công chức VHXX
1.3	Người đứng đầu xã là thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số, tham dự các buổi họp Ban chỉ đạo Chuyển đổi số xã	- Tham dự đầy đủ: điểm tối đa. - Số cuộc họp/4*điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Chủ trì: Công chức VHXX
1.4	Tổ chức các hội thảo, hội nghị cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã	- Có tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số trong năm: điểm tối đa. - Không tổ chức: 0 điểm	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Chủ trì: Công chức VHXX
1.5	Phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn xã. Lựa chọn, vinh	- Có thực hiện: điểm tối đa. - Không thực hiện: 0 điểm	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Chủ trì: Công chức VHXX

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số.						
<b>2</b>	<b>Thể chế số</b>			<b>50</b>			
2.1	Nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch chuyên đề của xã về chuyển đổi số	- Có thực hiện: điểm tối đa. - Không thực hiện: 0 điểm	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp các công chức chuyên môn
2.2	Kế hoạch, chương trình hoặc đề án về chuyển đổi số xã giai đoạn 05 năm	- Đã ban hành theo đúng nội dung, thời gian quy định: điểm tối đa. - Ban hành trễ không quá 10 ngày: $\frac{1}{2}$ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp các công chức chuyên môn
2.3	Kế hoạch, chương trình hoặc đề án hàng năm của xã về chuyển đổi số	- Đã ban hành theo đúng nội dung, thời gian quy định: điểm tối đa. - Ban hành trễ không quá 5 ngày: $\frac{1}{2}$ * điểm tối đa. - Ban hành trễ quá 5 ngày hoặc không ban hành: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp các công chức chuyên môn
2.4	Ban hành văn bản đôn đốc cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số	- Đã ban hành kịp thời: điểm tối đa. - Chưa ban hành: 0 điểm	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp các công chức chuyên môn
2.5	Báo cáo đầy đủ, kịp thời về tình hình, tiến độ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số (hàng tháng)	- Có báo cáo: điểm tối đa. - Không báo cáo: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp các công chức

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
							chuyên môn
<b>3</b>	<b>Hạ tầng số, dữ liệu số</b>			<b>20</b>			
3.1	Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh	a = Số lượng hộ gia đình có máy tính hoặc điện thoại thông minh. b = Tổng số hộ gia đình của huyện - Tỷ lệ: a/b. - Điểm = Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp các công chức chuyên môn
3.2	UBND xã đã kết nối với Mạng TSLCD cấp II	- Có thực hiện: điểm tối đa. - Không thực hiện: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp các công chức chuyên môn
<b>4</b>	<b>Nhân lực số</b>			<b>65</b>			
4.1	Công chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng, có trình độ từ Cao đẳng CNTT/ATTT trở lên	- Có: điểm tối đa. - Không: 0 điểm	Văn bản tài liệu chứng minh	5			Công chức VP-TK tham mưu UBND xã
4.2	Công chức / kiêm nhiệm CNTT/ATTT tham gia các buổi họp, hội thảo, hội nghị chuyên đề về CNTT, chuyển đổi số do các cấp tổ chức	- Tham dự đầy đủ, đúng thành phần: điểm tối đa. - Tham dự không đầy đủ: Tỷ lệ * điểm tối đa. - Không tham dự, tham không đúng thành phần: 0 điểm	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức VHXX
4.3	Chương trình, kế hoạch đào tạo tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số CBCNV trong	- Có: điểm tối đa. - Không: 0 điểm	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức VHXX

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	năm						
4.4	Chương trình, kế hoạch đào tạo tập huấn về kỹ năng sử dụng và khai thác các dịch vụ công trực tuyến, các dữ liệu mở cho người dân và doanh nghiệp	- Có: điểm tối đa. - Không: 0 điểm	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXH. - Phối hợp: các công chức chuyên môn.
4.5	Tỷ lệ CBCC, người hoạt động không chuyên trách được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin trong năm	- 100%: điểm tối đa - Dưới 100%: Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức VHXH
4.6	Tỉ lệ người dân được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, kỹ năng sử dụng khai thác các hệ thống thông tin	Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức VHXH
4.7	Tổ công nghệ cộng đồng triển khai các hoạt động trong năm	- Có thực hiện: điểm tối đa. - Không thực hiện: 0 điểm	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức VHXH
<b>5</b>	<b>An toàn thông tin mạng</b>			<b>50</b>			
5.1	Số lượng máy trạm được cài đặt phần mềm diệt Vius bản quyền	- 100% được cài đặt: điểm tối đa. - Dưới 100%: tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức VHXH
5.2	Triển khai công tác an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin theo mô hình 04 lớp	- Có: điểm tối đa. - Không: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức VHXH
5.3	Tổ chức phổ biến các quy định của pháp luật và quy	- Phổ biến kịp thời: điểm tối đa.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXH.

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	định của cơ quan về an toàn, an ninh thông tin cho các CBCC, người hoạt động không chuyên trách ngay khi nhận thông tin (Không quá 03 ngày)						- Phối hợp: các công chức chuyên môn.
5.4	Tham dự lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hành, diễn tập tác chiến về an toàn, an ninh thông tin	- Tham dự đầy đủ, đúng thành phần: điểm tối đa. - Tham dự không đầy đủ, không đúng thành phần: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức Văn hóa xã hội
5.5	Tỷ lệ CBCC được đào tạo về kỹ năng ATTT	Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức Văn hóa xã hội
<b>6</b>	<b>Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số</b>			<b>40</b>			
6.1	Có chuyên mục về chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử xã	- Có chuyên mục: điểm tối đa. - Không có chuyên mục: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức Văn hóa xã hội
6.2	Chuyên mục chuyển đổi số cập nhật đầy đủ văn bản của Chính phủ, tỉnh huyện, xã về chuyển đổi số	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	5			Công chức Văn hóa xã hội
6.3	Có tài liệu tuyên truyền (quyển, tờ rơi, video clip) về Chuyển đổi số, Chính quyền số, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước.	- Có thực hiện: điểm tối đa. - Không thực hiện: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	5			Công chức Văn hóa xã hội
6.4	Hệ thống đài truyền thanh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	- Có: điểm tối đa. - Không: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức Văn hóa xã hội

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
6.5	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyên đôi số	- Tần suất phát sóng từ 1 lần/1 tuần: điểm tối đa. - Tần suất phát sóng từ 1 tháng/1 lần/12 tháng: $\frac{1}{2}$ * điểm tối đa. - Tần suất phát sóng dưới 1 tháng/1 lần: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức Văn hóa xã hội
<b>7</b>	<b>Chính quyền số</b>						
7.1	<i>Thư điện tử</i>			<b>130</b>			
	Tỷ lệ CBCC đã được cấp hộp thư điện tử có sử dụng thường xuyên trong công việc / Tổng số CBCCVC có hộp thư	- 100% sử dụng: điểm tối đa. - Dưới 100%: Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Cán bộ, công chức xã
7.2	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành						- Chủ trì; Công chức Văn phòng – Thống kê xã.
	Văn bản đi/đến được tham mưu, xét duyệt trên phần mềm	- 100%: điểm tối đa. - Dưới 100%: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Phối hợp: các Công chức chuyên môn.
7.3	Chữ ký điện tử, chữ ký số						
	Văn bản đi có đầy đủ chữ ký số	- 100%: điểm tối đa. - Dưới 100%: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức Văn phòng – Thống kê xã. - Phối hợp: Cán bộ, lãnh đạo UBND xã.
7.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			50			

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.4.1	Rà soát, cung cấp đầy đủ DVC trực tuyến, toàn trình, một phần theo quy định	- Cung cấp đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cung cấp chưa đầy đủ, kịp thời: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp: Công chức chuyên môn.
7.4.2	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 hoặc toàn trình	a = Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 hoặc toàn trình; b = Số lượng dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 hoặc toàn trình; - Tỷ lệ = a/b . - Điểm: + 100%: điểm tối đa. + Dưới 100%: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp: Công chức chuyên môn.
7.4.3	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số DVCTT trực tuyến một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ (trực tuyến và trực tiếp) Tổng số DVCTT mức độ 3 (một phần) có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến)(a) Tổng số DVCTT mức độ 4 (toàn trình) có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến)(b) Tổng số DVCTT mức 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến (c)	- Tỷ lệ = $(c+d)/(a+b)$ . - Điểm = Tỷ lệ * điểm tối đa.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp: Công chức chuyên môn.



STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	Tổng số DVCTT mức 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến (d)						
7.4.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến Tổng số hồ sơ giải quyết DVC (gồm cả 4 mức độ) trong năm (a) Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT mức độ 3 (một phần)(b) Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT mức độ 4 (toàn trình)(c)	- Tỷ lệ = (b+c)/a - Điểm: + Tỷ lệ $\geq 80\%$ : điểm tối đa. + Tỷ lệ $< 80\%$ : tỷ lệ/80% * điểm tối đa.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp: Công chức chuyên môn.
7.4.5	Triển khai các giải pháp để nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến	- Có: điểm tối đa. - Không: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp: Công chức chuyên môn.
7.5	<b>Bưu chính công ích</b>			20			
7.5.1	Tỷ lệ DVC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI trên tổng số DVC đăng ký thực hiện BCCI	Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp: Công chức chuyên môn.
7.5.2	Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI trên tổng số hồ sơ DVC phát sinh trong năm	Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp: Công chức chuyên

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
							môn.
7.6	<b>Trang thông tin điện tử</b>			<b>30</b>			
7.6.1	Cập nhật thông tin về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm.	Đường dẫn đến nội dung liên quan trên Cổng/trang TTĐT	5			- Chủ trì: Công chức Văn phòng – Thống kê xã. - Phối hợp: công chức chuyên môn.
7.6.2	Cập nhật các thông tin theo quy định như: Thông tin chỉ đạo điều hành; lịch làm việc, số điện thoại liên hệ... thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm.	Đường dẫn đến nội dung liên quan trên Cổng/trang TTĐT	5			- Chủ trì: Công chức địa chính. - Phối hợp: Công chức chuyên môn.
7.6.3	Chiến lược, định hướng, quy hoạch ngành, kế hoạch phát triển KTXH, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, thông tin dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Cập nhật, không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm.	Đường dẫn đến nội dung liên quan trên Cổng/trang TTĐT	5			- Chủ trì: Công chức địa chính. - Phối hợp: Công chức chuyên môn.
7.6.4	Giao diện thân thiện, dễ nhìn, dễ tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản; có chuyên mục DVC	- Có chức năng đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: 0 điểm.	Đường dẫn đến nội dung liên quan trên Cổng/trang TTĐT	5			Công chức Văn hóa xã hội

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	và liên kết đến Cổng DVC tỉnh						
7.6.5	Chuyên mục Hỏi - Đáp	- Có: điểm tối đa. - Không: 0 điểm.	Đường dẫn đến nội dung liên quan trên Cổng/trang TTĐT	5			Các công chức chuyên môn
7.6.6	Thường xuyên cập nhật tin, bài hoạt động của cơ quan (bình quân 10 tin, bài/tháng)	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm.	Đường dẫn đến nội dung liên quan trên Cổng/trang TTĐT	5			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp: Công chức chuyên môn.
<b>8</b>	<b>Kinh tế số</b>			<b>40</b>			
8.1	Nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy có nội dung, nhiệm vụ cụ thể về kinh tế số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế	- Có thực hiện: điểm tối đa. - Không thực hiện: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức VHXX tham mưu
8.2	Có chương trình, đề án, kế hoạch của xã hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành, nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi số, phát triển kinh doanh số	- Có thực hiện: điểm tối đa. - Không thực hiện: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức địch chính tham mưu
8.3	Tuyên truyền, thúc đẩy, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nền tảng số	- Đã triển khai: điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Văn bản tài liệu chứng minh
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp nền tảng số, công nghệ số trên địa bàn xã/Tổng số sdoanh	Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. -Phối hợp:

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	ngành trên địa bàn						Công chức chuyên môn.
<b>9</b>	<b>Xã hội số</b>			<b>90</b>			
9.1	Nghị quyết, chỉ thị, chiến lược của cấp ủy có nội dung, nhiệm vụ cụ thể về xã hội số, chuyển đổi số cho người dân	- Có thực hiện: điểm tối đa. - Không thực hiện: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức VHXX tham mưu
9.2	Điểm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân về chuyển đổi số và công nghệ số	- Có thực hiện: điểm tối đa. - Không thực hiện: 0 điểm.	Văn bản tài liệu chứng minh	10			- Chủ trì: Công chức VHXX. - Phối hợp: công chức chuyên môn.
9.3	Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn xã/Tổng số dân	Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức VHXX
9.4	Cơ sở y tế cấp xã có kết nối hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xã	- Có: điểm tối đa. - Không có: 0 điểm	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Trạm y tế xã
9.5	Tỷ lệ nông dân được tập huấn, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp và cách thức, bán sản phẩm trên mạng / Tổng số nông dân trên địa bàn	Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức VHXX phối hợp Hội nông dân xã.
9.6	Hợp tác xã nông nghiệp có hoạt động thương mại điện tử, ứng dụng nông nghiệp thông minh	- Có: điểm tối đa. - Không có: 0 điểm	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức địa chính
9.7	Tỷ lệ cơ sở giáo	Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài	10			Các trường

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	dục ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập / tổng số cơ sở giáo dục trên địa bàn		liệu chứng minh				học trên địa bàn xã
9.8	Tỷ lệ người dân được tập huấn, phổ biến kiến thức về bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trên không gian mạng / tổng số người dân trên địa bàn	Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức VHXH phối hợp với Công an xã
9.9	Chợ trên địa bàn xã triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt	- Có: điểm tối đa. - Không có: 0 điểm	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức địa chính
<b>10</b>	<b>Chi ngân sách nhà nước</b>			<b>40</b>			
10.1	Tổng chi ngân sách nhà nước cho chính quyền số trên tổng chi ngân sách trong năm	- Từ 1% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 1%: Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức Tài chính – kế toán xã
10.2	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho kinh tế số (như hỗ trợ phát triển hạ tầng, phát triển các lĩnh vực kinh tế số,...) trên tổng chi ngân sách trong năm (Chi đầu tư phát triển + Chi thường xuyên)	- Từ 1% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 1%: Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức Tài chính – kế toán xã
10.3	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho xã hội số trên tổng chi ngân sách trong năm (Chi đầu tư	- Từ 1% trở lên: điểm tối đa. - Dưới 1%: Tỷ lệ * điểm tối đa	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức Tài chính – kế toán xã

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Tài liệu minh chứng	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	phát triển + Chi thường xuyên)						
10.4	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho an toàn thông tin mạng trên tổng chi ngân sách trong năm (Chi đầu tư phát triển + Chi thường xuyên)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 1% trở lên: điểm tối đa.</li> <li>- Dưới 1%: Tỷ lệ * điểm tối đa</li> </ul>	Văn bản tài liệu chứng minh	10			Công chức Tài chính – kế toán xã